

Số: /BC-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công an đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

1.1. Mục đích

- Rà soát, đối chiếu và đánh giá các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan với các quy định của dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ và khả thi của dự thảo Luật trong hệ thống pháp luật; xác định rõ thứ bậc hiệu lực pháp lý của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đánh giá tổng thể hệ thống pháp luật có liên quan làm cơ sở hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, dễ tiếp cận, dễ áp dụng; tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

1.2. Yêu cầu

- Việc rà soát phải được thực hiện một cách toàn diện, khách quan, kỹ lưỡng và có hệ thống đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

- Nghiên cứu, kế thừa các quy định đang phát huy hiệu quả tích cực trong phát triển lĩnh vực định danh và xác thực điện tử; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các quy định pháp luật có liên quan; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, chồng chéo, gây cản trở cho sự phát triển của lĩnh vực định danh và xác thực điện tử, bảo đảm tính khả thi của các quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

- Kết quả rà soát phải được tổng hợp đầy đủ, rõ ràng, có phân tích, đánh giá đối với từng quy định của dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

2.1. Phạm vi

Rà soát toàn diện các nội dung có liên quan đến dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử.

2.2. Nội dung

- Đánh giá sự phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng.
- Đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
- Đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế.

2.3. Đối tượng rà soát

- Các chủ trương, đường lối của Đảng và văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ giao việc xây dựng Luật.
- Các văn bản quy phạm pháp luật (Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng).
- Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử

1.1. Tổng số văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo Luật và văn bản giao việc của Chính phủ đã được rà soát: 11 văn bản, bao gồm:

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (tháng 01/2026) xác định 03 đột phá chiến lược, trong đó có “*đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là hạ tầng giao thông chiến lược, năng lượng và hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu*”; coi “*khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực trung tâm*”; chuyển từ “*quản lý bằng mệnh lệnh hành chính*” sang “*quản trị phát triển dựa trên pháp luật và dữ liệu*”; coi dữ liệu và phản hồi của Nhân dân là căn cứ điều chỉnh chính sách.

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng Chính phủ số; phát triển hạ tầng số, dữ liệu số là tài nguyên quan trọng của quốc gia.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định yêu cầu: *“Hoàn thiện khung pháp lý về giao dịch điện tử, xác thực điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân”*.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định nhiệm vụ *“cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”*.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2024 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, yêu cầu thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng; quy định pháp luật ổn định, đơn giản, dễ thực hiện; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia, khẳng định việc xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia phục vụ các hoạt động của xã hội trên môi trường mạng an toàn, tin cậy.

- Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị yêu cầu *“Triển khai hệ thống định danh và xác thực không gian mạng quốc gia; thống nhất định danh công dân, người dùng mạng xã hội, thuê bao viễn thông và tài nguyên Internet (tên miền, địa chỉ IP...). Kiên quyết xử lý triệt để tình trạng SIM “rác”, tài khoản “ảo”, nặc danh; áp dụng biện pháp xác thực danh tính bắt buộc đối với người dùng mạng xã hội và cơ chế kiểm soát độ tuổi để bảo vệ trẻ em trên không gian mạng”*.

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đặt ra mục tiêu *“Ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia”*

- Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giao trực tiếp Bộ Công an chủ trì *“Nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Luật Định danh và xác thực điện tử, báo cáo Chính phủ để đề xuất Quốc hội xem xét, bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026, hoàn thành trong quý I/2026”*.

- Quyết định số Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, trong đó có nhiệm vụ *“Nghiên cứu triển khai xây dựng các nền tảng chuỗi khối quốc gia, định danh phi tập trung quốc gia, định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hệ thống lưu trữ, giao kết, xác nhận giao dịch điện tử qua nền tảng VNeID, nền tảng số quốc*

gia về văn thư, lưu trữ” phục vụ mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu.

- Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 26/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” giao Bộ Công an “*Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành Luật Định danh và xác thực điện tử trong năm 2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành... nhằm xác định rõ phạm vi, giá trị pháp lý, điều kiện sử dụng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể khi sử dụng VNeID trong các quan hệ hành chính, dân sự, thương mại và các giao dịch điện tử khác.*”

1.2. Đánh giá về sự phù hợp của dự thảo Luật

Dự thảo Luật cơ bản phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về chuyển đổi số, phát triển dữ liệu, định danh số, xác thực điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, phát triển nền tảng số quốc gia và xã hội hóa có kiểm soát đối với dịch vụ số. Việc ban hành Luật là cần thiết để nâng cấp khuôn khổ pháp lý hiện hành, tạo cơ sở pháp lý ở cấp luật cho Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, danh tính điện tử, xác thực điện tử và dịch vụ liên quan.

Đồng thời, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định có tác động lớn đến quyền con người, quyền công dân và hoạt động của doanh nghiệp, gồm: phạm vi đối tượng được định danh; điều kiện định danh tài sản, dữ liệu, quyền tài sản, giao dịch, địa điểm, không gian; đồng bộ dữ liệu tự chủ vào cơ sở dữ liệu quốc gia; truy vết danh tính; phí/giá dịch vụ; điều kiện cung cấp dịch vụ định danh, xác thực; công nhận nước ngoài và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật

Có 75 văn bản pháp luật còn hiệu lực, gồm Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng có quy định liên quan trực tiếp đến các quy định tại dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử. *Danh mục đầy đủ và bảng đối chiếu chi tiết được trình bày tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.*

Qua rà soát, các nội dung dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử cơ bản bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành. Kết quả rà soát cụ thể như sau:

- Tính đồng bộ, thống nhất: Các nội dung quy định tại Luật Định danh và xác thực điện tử dự kiến sau khi được quy phạm hóa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hoàn toàn phù hợp với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành.

- Tính phù hợp, khả thi: Các nội dung quy định tại Luật Định danh và xác thực điện tử dự kiến được quy phạm hóa cơ bản bảo đảm tính khả thi, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn hiện nay về phát triển Chính phủ số, công dân số, doanh nghiệp số; tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ trên môi trường điện tử, thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật

Tổng số điều ước quốc tế, cam kết quốc tế và văn kiện quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật được rà soát gồm các nhóm sau:

- Nhóm hiệp định thương mại tự do và cam kết thương mại dịch vụ: (1) Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); (2) Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA); (3) Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP); (4) các cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới (WTO/GATS).

- Nhóm điều ước quốc tế về quyền con người, phòng, chống tội phạm và hợp tác quốc tế: (5) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR); (6) Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC); (7) Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC); (8) Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng trong phạm vi hiệu lực đối với Việt Nam.

- Nhóm văn kiện, khuôn khổ hợp tác và chuẩn mực quốc tế có giá trị tham khảo: Khung Tích hợp kinh tế số ASEAN, Kế hoạch tổng thể Cộng đồng kinh tế ASEAN 2025, Luật mẫu UNCITRAL về thương mại điện tử, Luật mẫu UNCITRAL về chữ ký điện tử và các khuyến nghị, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế có liên quan đến định danh số, xác thực điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và giao dịch điện tử.

Qua rà soát, các quy định của Dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử bảo đảm tương thích đầy đủ với các điều ước quốc tế nêu trên, đồng thời cơ bản phù hợp với các nguyên tắc quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân và công nhận danh tính số. Bảng đối chiếu chi tiết được trình bày tại Phụ lục.

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến quy định Luật Định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (thẩm định);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Nguyễn Văn Long

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHI TIẾT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO XÂY DỰNG LUẬT ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCA ngày tháng năm 2026 của Bộ Công an)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng

STT	Quy định của dự thảo	Chủ trương, đường lối có liên quan	Đánh giá sự phù hợp	Đề xuất xử lý
1	Điều 1 đến Điều 6: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc định danh và xác thực điện tử, nguyên tắc áp dụng Luật và các hành vi bị nghiêm cấm.	<p>Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị yêu cầu xây dựng hành lang pháp lý cho định danh số, xác thực điện tử quốc gia, thiết lập khung danh tính số quốc gia.</p> <p>Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định thể chế, hạ tầng số, dữ liệu, công nghệ chiến lược là trọng tâm, dữ liệu là tư liệu sản xuất chủ yếu.</p> <p>Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị yêu cầu đổi mới công tác xây dựng pháp luật, bảo đảm tính dự báo, khả thi, minh bạch.</p>	Phù hợp với chủ trương của Đảng về chuyển đổi số, phát triển dữ liệu và bảo đảm an ninh mạng. Nhóm quy định này tạo cơ sở pháp lý cho quản lý danh tính số, xác thực điện tử, phòng chống gian lận danh tính, đồng thời khẳng định các nguyên tắc bảo vệ quyền con người, quyền công dân, dữ liệu cá nhân, an ninh, an toàn thông tin và chủ quyền dữ liệu.	Tiếp tục luật hóa, chỉnh lý kỹ thuật lập pháp để bảo đảm tính thống nhất của các khái niệm với Luật Căn cước, Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; đồng thời làm rõ nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, căn cứ xử lý dữ liệu và trách nhiệm giải trình.

STT	Quy định của dự thảo	Chủ trương, đường lối có liên quan	Đánh giá sự phù hợp	Đề xuất xử lý
2	Điều 7: mở rộng đối tượng định danh điện tử gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân; sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, tài sản; dữ liệu, tài nguyên số, ứng dụng, phần mềm, dịch vụ số, quyền tài sản, tài sản số; sự kiện, giao dịch, hành vi; địa điểm, không gian.	Nghị quyết số 52-NQ/TW định hướng phát triển kinh tế số, đô thị thông minh, chính quyền số; Nghị quyết số 57-NQ/TW yêu cầu làm giàu, khai thác dữ liệu, phát triển công nghiệp dữ liệu và hạ tầng số an toàn, hiệu quả; Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Cơ bản phù hợp với yêu cầu xây dựng không gian số tin cậy và quản trị các đối tượng số phát sinh trong kinh tế số. Việc mở rộng đối tượng định danh điện tử góp phần tạo cơ sở cho việc quản lý, xác thực và liên kết các đối tượng trong môi trường số, phục vụ truy xuất nguồn gốc, phòng, chống giả mạo và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong nền kinh tế số.	Tiếp tục luật hóa, đồng thời nghiên cứu phân loại nhóm đối tượng định danh điện tử; làm rõ việc định danh điện tử chỉ có giá trị nhận diện đối tượng trong môi trường điện tử, không phải là căn cứ xác lập, chuyển dịch hoặc chấm dứt quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ.
3	Điều 8, Điều 12, Điều 13: mô hình định danh điện tử; mã định danh quốc gia, mã định danh tự chủ; danh tính điện tử quốc gia và danh tính điện tử tự chủ.	Nghị quyết số 52-NQ/TW yêu cầu thiết lập khung danh tính số quốc gia. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân khuyến khích doanh nghiệp tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới, nhưng Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, quản lý rủi ro và bảo đảm lợi ích công. Đề án 06 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg đặt trọng tâm phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.	Phù hợp với chủ trương của Đảng về xây dựng khung danh tính số quốc gia, phát triển dữ liệu số và huy động nguồn lực xã hội tham gia cung cấp dịch vụ số trên cơ sở Nhà nước giữ vai trò chủ đạo đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng. Các quy định về mô hình định danh điện tử, mã định danh và danh tính điện tử tạo cơ sở pháp lý cho việc thống nhất quản lý danh tính điện tử, khắc phục tình trạng phân tán, thiếu liên thông giữa các hệ thống định danh hiện nay.	Tiếp tục hoàn thiện quy định về mô hình định danh điện tử, bảo đảm phân định rõ phạm vi, chức năng của mã định danh quốc gia và mã số chuyên ngành; bổ sung nguyên tắc kế thừa, ánh xạ và liên thông với các mã số, mã định danh hiện có để bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo và hạn chế ảnh hưởng đến các hệ thống đang vận hành.

STT	Quy định của dự thảo	Chủ trương, đường lối có liên quan	Đánh giá sự phù hợp	Đề xuất xử lý
4	Điều 9 đến Điều 16: vòng đời danh tính điện tử; đăng ký; thu thập, kiểm tra, đối soát, chuẩn hóa; lưu trữ, cập nhật; khai thác và giá trị sử dụng của danh tính điện tử.	Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định dữ liệu là nguồn lực phát triển, yêu cầu phát triển cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu nhưng phải an ninh, an toàn. Nghị quyết số 66-NQ/TW yêu cầu lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, giảm chi phí tuân thủ. Đề án 06 yêu cầu tái sử dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong thủ tục hành chính, dịch vụ công.	Phù hợp với yêu cầu không thu thập lại dữ liệu đã có, thúc đẩy cung cấp dịch vụ công, giao dịch điện tử và giảm giấy tờ. Tuy nhiên, đây là nhóm quy định tác động trực tiếp đến dữ liệu cá nhân và dữ liệu định danh nên rủi ro xâm phạm quyền riêng tư phải được kiểm soát chặt.	Bổ sung yêu cầu căn cứ xử lý, thông báo, đồng ý khi cần thiết, đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân đối với hoạt động rủi ro cao; quy định rõ phạm vi dữ liệu được hiển thị, chia sẻ khi danh tính điện tử có giá trị thay thế giấy tờ.
5	Điều 17 đến Điều 20: tạm dừng, hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực danh tính điện tử, mã định danh và liên kết danh tính điện tử.	Nghị quyết số 52-NQ/TW và Nghị quyết số 57-NQ/TW đều đặt yêu cầu xây dựng môi trường số an toàn, tin cậy, phòng chống gian lận và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	Phù hợp với yêu cầu quản lý xuyên suốt vòng đời danh tính điện tử, bảo đảm cơ chế cập nhật, điều chỉnh và xử lý khi phát sinh sai sót. Quy định về liên kết danh tính điện tử tạo cơ sở xác lập, truy xuất và kiểm chứng mối quan hệ giữa chủ thể định danh với đối tượng được định danh.	Làm rõ thẩm quyền, căn cứ và trình tự tạm dừng, hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực danh tính điện tử, mã định danh và liên kết danh tính điện tử; đồng thời bổ sung quy định về quyền được thông báo, giải trình, khiếu nại, khôi phục hiệu lực và bồi thường thiệt hại trong trường hợp việc tạm dừng, hủy bỏ hoặc chấm dứt được thực hiện không đúng quy định do lỗi của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

STT	Quy định của dự thảo	Chủ trương, đường lối có liên quan	Đánh giá sự phù hợp	Đề xuất xử lý
6	Điều 21 đến Điều 30: đối tượng xác thực, mô hình xác thực tập trung/trung gian/độc lập, hoạt động xác thực, mức độ xác thực, phương tiện xác thực, kết quả xác thực, chứng thư điện tử xác nhận thông tin.	Nghị quyết số 52-NQ/TW yêu cầu hành lang pháp lý cho xác thực điện tử quốc gia. Đề án 06 định hướng sử dụng định danh, xác thực điện tử trong dịch vụ công và giao dịch số. Nghị quyết số 57-NQ/TW nhấn mạnh phát triển hạ tầng số an toàn, tin cậy.	Phù hợp với yêu cầu tạo niềm tin trong giao dịch điện tử, giảm phụ thuộc vào giấy tờ, hỗ trợ chống chối bỏ và phòng chống giả mạo. Mô hình xác thực độc lập là hướng tiếp cận tiên bộ, tăng quyền kiểm soát của chủ thể dữ liệu.	Rà soát thuật ngữ “chứng thư điện tử xác nhận thông tin” với pháp luật về giao dịch điện tử, chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ tin cậy; quy định tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện sử dụng và giới hạn trách nhiệm của bên kiểm chứng.
7	Điều 31: xác thực điện tử và truy vết danh tính điện tử.	Nghị quyết số 57-NQ/TW yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và nâng cao năng lực quản trị trên môi trường số; các chủ trương về phòng chống tội phạm công nghệ cao, phòng chống rửa tiền và tham nhũng yêu cầu nhận diện, xác minh, truy vết giao dịch khi có căn cứ pháp luật.	Chính sách truy vết là cần thiết để xử lý gian lận, giả mạo và điều tra vi phạm. Tuy nhiên, đây là chính sách nhạy cảm vì liên quan quyền riêng tư, bí mật đời sống riêng tư, dữ liệu cá nhân, dữ liệu giao dịch.	Quy định rõ điều kiện kích hoạt truy vết, chủ thể có thẩm quyền, phạm vi dữ liệu, thời hạn lưu vết, cơ chế phê duyệt/kiểm soát, lưu nhật ký, giám sát độc lập và trách nhiệm bồi thường khi lạm dụng.

STT	Quy định của dự thảo	Chủ trương, đường lối có liên quan	Đánh giá sự phù hợp	Đề xuất xử lý
8	Điều 32 đến Điều 36: Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, Nền tảng định danh và xác thực điện tử, Ứng dụng định danh quốc gia, khai thác dữ liệu, phí khai thác.	Nghị quyết số 57-NQ/TW coi hạ tầng số, dữ liệu và thể chế là trọng tâm; Đề án 06 và Quyết định số 749/QĐ-TTg yêu cầu phát triển nền tảng số quốc gia, dữ liệu dân cư và dịch vụ định danh, xác thực phục vụ chuyển đổi số.	Phù hợp với chủ trương xây dựng nền tảng số dùng chung, giảm trùng lặp đầu tư, tăng liên thông. Quy định phí khai thác dữ liệu có cơ sở chính sách nhưng cần bảo đảm không làm phát sinh rào cản tiếp cận dịch vụ công thiết yếu.	Làm rõ quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Trung tâm dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phân biệt phí, giá dịch vụ, chi phí kết nối và trường hợp miễn, giảm.
9	Điều 37 đến Điều 39: dịch vụ định danh điện tử, dịch vụ xác thực điện tử, điều kiện cung cấp dịch vụ, xử lý khi tổ chức cung cấp dịch vụ chấm dứt hoạt động.	Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đều khuyến khích doanh nghiệp tham gia đổi mới sáng tạo, cung cấp dịch vụ số nhưng phải bảo đảm an ninh, an toàn và quản trị rủi ro.	Phù hợp với định hướng xã hội hóa có kiểm soát. Nhóm quy định tạo thị trường dịch vụ định danh và xác thực điện tử, nhưng đây là ngành, nghề có điều kiện cao do xử lý dữ liệu định danh, dữ liệu cá nhân và yếu tố xác thực.	Quy định cụ thể điều kiện cấp phép/chấp thuận, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin, nhân sự, tài chính, bảo hiểm/trách nhiệm dân sự, kiểm toán độc lập, nghĩa vụ chuyển giao dữ liệu và bảo vệ quyền lợi người dùng khi chấm dứt dịch vụ.

STT	Quy định của dự thảo	Chủ trương, đường lối có liên quan	Đánh giá sự phù hợp	Đề xuất xử lý
10	Điều 40 và Điều 41: công nhận danh tính điện tử, kết quả xác thực nước ngoài; giao dịch xuyên biên giới và hợp tác quốc tế.	Chủ trương hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế số, thương mại điện tử và dữ liệu xuyên biên giới trong Nghị quyết số 52-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW; các cam kết quốc tế về thương mại điện tử, bảo vệ thông tin cá nhân và hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia.	Phù hợp với nhu cầu công nhận tương đương, hỗ trợ giao dịch số xuyên biên giới. Tuy nhiên, cần đặt điều kiện bảo vệ dữ liệu, an ninh quốc gia, tương thích tiêu chuẩn kỹ thuật và nguyên tắc có đi có lại.	Bổ sung tiêu chí công nhận: mức độ bảo đảm danh tính, bảo vệ dữ liệu cá nhân, cơ chế kiểm tra hiệu lực, trách nhiệm của bên cung cấp nước ngoài, lưu vết, giải quyết tranh chấp, bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu tại Việt Nam.
11	Điều 42 đến Điều 48: trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức cung cấp dịch vụ; quyền, nghĩa vụ của chủ thể danh tính; yêu cầu đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo; sửa đổi, bổ sung luật liên quan; chuyển tiếp và hiệu lực thi hành.	Nghị quyết số 66-NQ/TW yêu cầu văn bản quy phạm pháp luật có tính khả thi, đồng bộ, chi phí tuân thủ hợp lý; Nghị quyết số 57-NQ/TW yêu cầu làm chủ công nghệ chiến lược, bảo vệ dữ liệu, an ninh mạng; Đề án 06 yêu cầu bảo đảm vận hành liên tục, không gián đoạn hệ thống định danh, xác thực điện tử.	Phù hợp về định hướng hoàn thiện trách nhiệm và cơ chế chuyển tiếp. Quy định về hệ thống trí tuệ nhân tạo là cần thiết do nguy cơ deepfake, sinh trắc giả, tự động hóa quyết định ảnh hưởng quyền của chủ thể.	Rà soát Điều 46 và Điều 47 để tránh khoảng trống pháp lý khi chuyển từ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP sang Luật; quy định rõ phân loại rủi ro AI, kiểm định, minh bạch, giải trình và quyền con người chịu sự kiểm tra của con người.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
1	Điều 1 đến Điều 6; Điều 42 đến Điều 48 của dự thảo Luật.	Hiến pháp năm 2013, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15: Điều 14 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nguyên tắc hạn chế quyền; Điều 21 về quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bảo vệ danh dự, uy tín; Điều 32 về quyền sở hữu và quyền thừa kế; Điều 33 về quyền tự do kinh doanh.	Các quy định nền tảng của dự thảo có căn cứ hiến định, nhất là nguyên tắc bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, an ninh, an toàn thông tin và chủ quyền dữ liệu. Tuy nhiên, các nội dung có thể làm phát sinh hạn chế quyền, như thu thập dữ liệu định danh, truy vết, chia sẻ dữ liệu, cần được quy định rõ ở cấp luật, bảo đảm cần thiết, hợp lý, minh bạch.	Tiếp tục luật hóa nhưng rà soát kỹ ngôn ngữ về hạn chế quyền; không giao quá rộng cho văn bản dưới luật quy định chi tiết về căn cứ thu thập, xử lý, chia sẻ, truy vết dữ liệu định danh và dữ liệu cá nhân.
3	Điều 1 đến Điều 6; Điều 16; Điều 21 đến Điều 30; Điều 32 đến Điều 36; Điều 42 đến Điều 44.	Luật Căn cước năm 2023: Điều 3 khoản 13 về danh tính điện tử; khoản 16 về xác thực điện tử; khoản 17 về căn cước điện tử; Điều 31 về căn cước điện tử; Điều 32 về kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử; Điều 33 về giá trị sử dụng của căn cước điện tử; Điều 34 về khóa, mở khóa căn cước điện tử.	Dự thảo có quan hệ trực tiếp với danh tính điện tử, xác thực điện tử, căn cước điện tử. Nếu không phân định rõ, có thể chồng lấn giữa danh tính điện tử theo Luật này với căn cước điện tử, số định danh cá nhân, tài khoản định danh điện tử theo Luật Căn cước.	Quy định rõ Luật này là khung pháp lý chung về định danh và xác thực điện tử; đối với cá nhân, thông tin nhân thân gốc, số định danh cá nhân, căn cước điện tử tiếp tục thực hiện theo Luật Căn cước.
4	Điều 21 đến Điều 31; Điều 37 đến Điều 40; Điều 47.	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024: Điều 1 về phạm vi điều chỉnh; Điều 3 khoản 4, khoản 5,	Dự thảo kế thừa và nâng cấp nhiều quy định của Nghị định 69/2024/NĐ-CP lên cấp luật,	Bổ sung điều khoản chuyển tiếp rõ ràng: tài khoản định danh điện tử, kết nối hệ

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
		khoản 6, khoản 10, khoản 11 về cơ quan quản lý, tài khoản định danh điện tử, xác thực điện tử, hệ thống/nền tảng định danh và xác thực điện tử; Điều 4 về nguyên tắc; Điều 7 về phân loại đối tượng được cấp tài khoản định danh điện tử; Điều 8 về cập nhật thông tin; Điều 9 về sử dụng tài khoản định danh điện tử; Điều 14 đến Điều 18 về kích hoạt, khóa, lưu trữ, kết nối; Điều 19 đến Điều 23 về xác thực điện tử, mức độ xác thực, phương thức xác thực, dịch vụ xác thực điện tử, điều kiện cung cấp dịch vụ; Điều 24 đến Điều 27 về cấp, thu hồi giấy xác nhận đủ điều kiện và chi phí dịch vụ.	đồng thời mở rộng phạm vi sang đối tượng vật chất, phi vật chất, sự kiện, giao dịch, địa điểm, không gian.	thống, giấy xác nhận đủ điều kiện, hợp đồng cung cấp dịch vụ và dữ liệu đang vận hành theo Nghị định 69/2024/NĐ-CP tiếp tục có giá trị cho đến khi được chuyển đổi theo Luật.
5	Điều 3; Điều 16; Điều 21 đến Điều 30; Điều 40, Điều 41.	Luật Giao dịch điện tử năm 2023: Điều 5 về bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng trong giao dịch điện tử; Điều 6 về hành vi bị nghiêm cấm; Điều 7 đến Điều 13 về thông điệp dữ liệu, giá trị pháp lý, giá trị như văn bản, bản gốc, chứng cứ, chuyển đổi và lưu trữ; Điều 19 đến Điều 21 về chứng thư điện tử; Điều 22 về chữ ký điện tử; Điều 26, Điều 27 về công nhận chữ ký điện	Các khái niệm xác thực điện tử, phương tiện xác thực, chứng thư điện tử xác nhận thông tin có liên quan nhưng không đồng nhất với chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Cần tránh quy định làm trùng lặp hoặc thay đổi giá trị pháp lý của cơ chế giao dịch điện tử hiện hành.	Chỉnh lý thuật ngữ để chứng thư điện tử xác nhận thông tin là công cụ xác nhận thuộc tính/danh tính, không thay thế chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử, dịch vụ tin cậy trừ trường hợp luật chuyên ngành quy định.

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
		tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài; Điều 28 đến Điều 30 về dịch vụ tin cậy, điều kiện và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy; Điều 35 đến Điều 38 về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; Điều 49 về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.		
6	Điều 4; Điều 11; Điều 13 đến Điều 16; Điều 32 đến Điều 36; Điều 42.	Luật Dữ liệu năm 2024: Điều 3 về giải thích từ ngữ, trong đó có dữ liệu số, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi; Điều 13 về phân loại dữ liệu; Điều 14 về lưu trữ dữ liệu; Điều 15 về quản trị, quản lý dữ liệu; Điều 16 về chất lượng dữ liệu; Điều 17 về kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu; Điều 33 về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Điều 34 về thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Điều 35 về khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Điều 36 đến Điều 38 về kết nối, cung cấp dữ liệu, phí, giá; Điều 39 về sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.	Dự thảo phù hợp khi quy định không thu thập lại dữ liệu đã có, kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tuy nhiên, cần tránh hình thành kho dữ liệu trùng lặp, không rõ chủ quản, nhất là đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.	Làm rõ dữ liệu nào đồng bộ toàn phần, dữ liệu nào chỉ đồng bộ chỉ mục/mã định danh/trạng thái; phân định trách nhiệm quản trị dữ liệu giữa Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
7	Điều 4; Điều 6; Điều 11; Điều 14 đến Điều	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025: Điều 3 về nguyên tắc bảo vệ	Hoạt động định danh, xác thực, truy vết, lưu nhật ký, chia sẻ dữ	Bổ sung viện dẫn tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
	16; Điều 24; Điều 28; Điều 31; Điều 35; Điều 40, Điều 41; Điều 44.	dữ liệu cá nhân; Điều 4 về quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân; Điều 19 về xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân; Điều 20 về chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới; Điều 21 về đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân; Điều 22 về cập nhật hồ sơ đánh giá tác động; Điều 23 về thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; Điều 33 đến Điều 37 về lực lượng, tiêu chuẩn, kiểm tra và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân về bảo vệ dữ liệu cá nhân.	liệu có rủi ro cao đối với dữ liệu cá nhân, đặc biệt là dữ liệu sinh trắc, dữ liệu hành vi, dữ liệu liên kết danh tính. Dự thảo đã đặt nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân nhưng cần cụ thể hóa bằng cơ chế kiểm soát.	quy định rõ mục đích, phạm vi, căn cứ xử lý, thời hạn lưu, quyền truy cập/sửa/xóa/hạn chế xử lý/phản đối, đánh giá tác động và thông báo vi phạm dữ liệu.
8	Điều 4; Điều 6; Điều 14; Điều 27, Điều 28; Điều 31 đến Điều 36; Điều 38, Điều 39; Điều 45.	Luật An ninh mạng năm 2025: Điều 1 về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Điều 2 về giải thích từ ngữ, trong đó có an ninh mạng, an ninh dữ liệu, hệ thống thông tin, nhật ký, tài khoản số, mật mã dân sự; Điều 3 về chính sách của Nhà nước; Điều 17 về phòng, chống phần mềm độc hại; Điều 21 về đấu tranh bảo vệ an ninh mạng; Điều 23 về triển khai hoạt động bảo đảm an ninh mạng trong hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; Điều 24 về hạ tầng không gian mạng quốc	Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia là hạ tầng số trọng yếu, xử lý dữ liệu nhạy cảm. Điều kiện kết nối và cung cấp dịch vụ phải gắn với phân loại hệ thống thông tin, giám sát, nhật ký, phòng chống tấn công, ứng cứu sự cố và bảo vệ dữ liệu.	Bổ sung yêu cầu phân loại hệ thống thông tin; kiểm định an toàn, an ninh; sao lưu, dự phòng; mã hóa; quản lý khóa; giám sát sự cố; lưu vết; kiểm toán độc lập; báo cáo sự cố đối với nhà cung cấp dịch vụ và đơn vị kết nối.

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
		gia quan trọng; Điều 25 về bảo đảm an ninh thông tin mạng; Điều 37 về nâng cao năng lực tự chủ an ninh mạng; Điều 38 về kinh phí bảo đảm an ninh mạng.		
9	Điều 7; Điều 8; Điều 12 đến Điều 16; Điều 37 đến Điều 39; Điều 45.	Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025: Điều 8 về thử nghiệm có kiểm soát; Điều 10 về bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Điều 13 về hoạt động công nghiệp công nghệ số; Điều 34, Điều 35 về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp công nghệ số và kết nối, chia sẻ dữ liệu; Điều 46 về tài sản số.	Dự thảo quy định về định danh tài sản số, phần mềm, dịch vụ số, dữ liệu, quyền tài sản nên có quan hệ trực tiếp với pháp luật về công nghiệp công nghệ số và tài sản số. Cần bảo đảm thống nhất khái niệm và cơ chế quản lý rủi ro.	Rà soát khái niệm tài sản số, sản phẩm/dịch vụ công nghệ số; quy định điều kiện cung cấp dịch vụ định danh, xác thực phù hợp cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và yêu cầu an toàn, an ninh.
10	Điều 6; Điều 24 đến Điều 31; Điều 38; Điều 45.	Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025: Điều 7 về hành vi bị nghiêm cấm; Điều 8 về cổng thông tin trí tuệ nhân tạo; Điều 9 về phân loại hệ thống trí tuệ nhân tạo theo mức độ rủi ro; Điều 10 về trách nhiệm phân loại, thông báo; Điều 11 về minh bạch trong hoạt động trí tuệ nhân tạo; Điều 12 về quản lý sự cố; Điều 13 về đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao; Điều 14 về quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao; Điều 15 về quản	Dự thảo có quy định về hệ thống trí tuệ nhân tạo, phù hợp với nguy cơ deepfake, sinh trắc giả, tự động hóa xác thực, nhưng cần cụ thể hóa trách nhiệm, minh bạch, kiểm định và giám sát con người.	Làm rõ trường hợp AI được dùng để xác thực sinh trắc, phát hiện gian lận, chấm điểm rủi ro; yêu cầu kiểm định, ghi nhật ký, giải thích kết quả, giám sát bởi con người và trách nhiệm bồi thường khi xác thực sai.

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
		lý hệ thống trí tuệ nhân tạo không chấp nhận được; Điều 27 về sử dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước, dịch vụ công.		
11	Điều 16; Điều 21 đến Điều 31; Điều 40, Điều 41.	Luật Thương mại điện tử năm 2025: Điều 1 đến Điều 6 về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc, chính sách phát triển; Điều 21 đến Điều 24 về trách nhiệm của nền tảng, người bán, hoạt động bán hàng qua chức năng đặt hàng trực tuyến/livestream và nghĩa vụ cung cấp thông tin để xác thực danh tính; Điều 27 đến Điều 31 về nền tảng thương mại điện tử nước ngoài, đại diện pháp lý, dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ người tiêu dùng; Điều 40, Điều 41 về hiệu lực và chuyển tiếp.	Danh tính điện tử và xác thực điện tử có thể hỗ trợ xác thực người bán, người mua, giao dịch, sự kiện trên sàn thương mại điện tử, góp phần xử lý tài khoản ảo, gian lận và tranh chấp.	Quy định cơ chế sử dụng danh tính điện tử trong thương mại điện tử theo mức độ rủi ro; tránh yêu cầu xác thực quá mức làm cản trở giao dịch nhỏ lẻ, đồng thời bảo vệ dữ liệu người tiêu dùng.
12	Điều 7; Điều 16; Điều 20; Điều 31.	Bộ luật Dân sự năm 2015: Điều 3 về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; Điều 74 đến Điều 96 về pháp nhân; Điều 105 về tài sản; Điều 115 về quyền tài sản; Điều 117 đến Điều 129 về giao dịch dân sự và điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; Điều 584 đến Điều 592 về trách	Việc định danh tài sản, quyền tài sản, giao dịch, hành vi có giá trị hỗ trợ xác định, xác thực, lưu vết nhưng không tự thân làm phát sinh, chuyển dịch hoặc chấm dứt quyền dân sự.	Bổ sung nguyên tắc: danh tính điện tử là công cụ xác định, xác thực, truy vết thông tin; việc xác lập, chuyển dịch, chấm dứt quyền sở hữu, quyền tài sản và hiệu lực giao dịch vẫn theo Bộ luật Dân sự và luật chuyên ngành.

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
		nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.		
13	Điều 7; Điều 12; Điều 16; Điều 20.	Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung: Điều 3 về đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; Điều 6 về căn cứ phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ; Điều 8 về chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ; Điều 45, Điều 138 về chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp; Điều 198, Điều 199 về quyền tự bảo vệ và biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.	Dự thảo đề cập quyền sở hữu trí tuệ như đối tượng phi vật chất được định danh. Cần tránh nhầm lẫn giữa định danh đối tượng/quyền với việc xác lập, đăng ký, bảo hộ hoặc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.	Quy định việc định danh quyền sở hữu trí tuệ chỉ có giá trị xác thực thông tin, truy vết, quản lý giao dịch; không thay thế thủ tục đăng ký, bảo hộ, chuyển nhượng quyền theo pháp luật sở hữu trí tuệ.
14	Điều 7; Điều 8; Điều 12; Điều 16; Điều 20.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007: Điều 5 về nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Điều 7 đến Điều 10 về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hàng; Điều 22 đến Điều 26 về quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất; Điều 27 đến Điều 31 về quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, lưu thông trên thị trường; pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường,	Định danh sản phẩm, hàng hóa, thiết bị hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, quản lý rủi ro, chống hàng giả. Tuy nhiên, mã định danh điện tử phải tương thích với mã số mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc, mã quản lý chuyên ngành đang áp dụng.	Bổ sung nguyên tắc tương thích, kế thừa, ánh xạ với mã số mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc và mã quản lý chuyên ngành; không thay thế ngay các cơ chế hiện hành nếu chưa có phương án chuyển đổi.

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
		chất lượng, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc.		
15	Điều 21 đến Điều 31; Điều 35; Điều 40, Điều 41.	Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022: Điều 9 đến Điều 13 về nhận biết khách hàng, cập nhật thông tin, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, phân loại rủi ro; Điều 17 đến Điều 23 về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, giao dịch chuyển tiền điện tử và lưu giữ hồ sơ; Điều 34 về trách nhiệm cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu cho cơ quan có thẩm quyền.	Định danh và xác thực điện tử là công cụ hỗ trợ eKYC, CDD, phòng chống gian lận, rửa tiền, tài trợ khủng bố. Tuy nhiên, việc chia sẻ kết quả xác thực phải có mục đích, căn cứ pháp lý và giới hạn dữ liệu rõ.	Quy định cơ chế cung cấp kết quả xác thực cho tổ chức báo cáo trong phạm vi pháp luật phòng, chống rửa tiền; không mở rộng quyền thu thập dữ liệu định danh vượt quá mục đích nhận biết khách hàng.
16	Điều 16; Điều 24 đến Điều 31; Điều 37 đến Điều 39.	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và văn bản của Ngân hàng Nhà nước về mở, sử dụng tài khoản thanh toán, giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, nhận biết và xác thực khách hàng, bảo mật thông tin khách hàng.	Dự thảo hỗ trợ ngân hàng số, thanh toán điện tử, eKYC và phòng chống gian lận. Cần tránh làm phát sinh thủ tục xác thực song song nếu pháp luật ngân hàng đã quy định mức độ xác thực theo rủi ro.	Quy định kết quả xác thực theo Luật này được sử dụng như một nguồn xác thực đáng tin cậy trong lĩnh vực ngân hàng khi đáp ứng yêu cầu pháp luật chuyên ngành; pháp luật chuyên ngành quyết định mức độ xác thực bắt buộc.
17	Điều 7; Điều 8; Điều 12; Điều 20; Điều 31.	Luật Viễn thông năm 2023 và các văn bản hướng dẫn về thuê bao viễn thông, tài nguyên Internet, tên miền, địa chỉ Internet, quản lý SIM, quản lý dịch vụ viễn thông; các quy định	Định danh người dùng, thuê bao, tài nguyên Internet có ý nghĩa phòng chống SIM rác, tài khoản ảo, lừa đảo trực tuyến. Tuy nhiên, dữ liệu thuê bao và	Quy định cơ chế kết nối, đối soát theo pháp luật chuyên ngành; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý thuê bao, tài nguyên viễn thông,

STT	Quy định của dự thảo	Điều, khoản, điểm của VBQPPL có liên quan	Đánh giá	Đề xuất xử lý
		chuyên ngành về xác thực thông tin thuê bao và xử lý SIM rác, tài khoản ảo.	tài nguyên viễn thông, Internet đang do cơ quan, doanh nghiệp chuyên ngành quản lý.	Internet; chỉ đồng bộ dữ liệu cần thiết phục vụ xác thực và truy vết hợp pháp.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến Chính sách

STT	Quy định tại dự thảo	Điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá tính tương thích	Đề xuất xử lý
1	Điều 1 đến Điều 6: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc áp dụng Luật và các hành vi bị nghiêm cấm.	ICCPR: Điều 16, Điều 17; CPTPP: Chương 14, các điều 14.6, 14.8, 14.9, 14.11; RCEP: Chương 12; GATS/WTO: Điều VI, Điều XIV, Điều XIV bis.	Các quy định chung của dự thảo cơ bản phù hợp với nghĩa vụ về công nhận giao dịch điện tử, xác thực điện tử, bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư. Phạm vi điều chỉnh rộng cần được giới hạn bởi mục đích hợp pháp, yêu cầu cần thiết, tương xứng và minh bạch.	Tiếp tục chỉnh lý theo hướng làm rõ nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, mục đích và căn cứ xử lý dữ liệu, trách nhiệm giải trình; phân biệt điều ước quốc tế ràng buộc với luật mẫu, khuyến nghị, tiêu chuẩn kỹ thuật không có giá trị ràng buộc.
2	Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13: đối tượng định danh điện tử; mô hình định danh; mã định danh quốc gia, mã định danh tự chủ; danh tính điện tử quốc gia và danh tính điện tử tự chủ.	ICCPR: Điều 16, Điều 17; CPTPP: các điều 14.6, 14.8, 14.11, 14.13; RCEP: Chương 12; GATS/WTO: Điều VI và các ngoại lệ liên quan đến quản lý dịch vụ, an ninh, trật tự công cộng.	Việc mở rộng đối tượng định danh và quy định các mô hình định danh cơ bản phù hợp với cam kết quốc tế nếu được thực hiện công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử bất hợp lý và không tạo ra yêu cầu quản lý vượt quá mức cần thiết đối với thương mại dịch vụ, thương mại điện tử.	Quy định rõ giá trị pháp lý của định danh điện tử là nhận diện, xác thực và hỗ trợ liên thông dữ liệu; không thay thế thủ tục xác lập, chuyển dịch, chấm dứt quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ. Phân loại đối tượng theo mức độ rủi ro và mức độ bảo đảm tin cậy.

STT	Quy định tại dự thảo	Điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá tính tương thích	Đề xuất xử lý
3	Điều 9 đến Điều 16: đăng ký, thu thập, kiểm tra, đối soát, chuẩn hóa, cấp mã, lưu trữ, cập nhật, khai thác và giá trị sử dụng của danh tính điện tử.	ICCPR: Điều 17; CPTPP: các điều 14.8, 14.11, 14.13; RCEP: Chương 12; EVFTA, GATS/WTO: các nghĩa vụ về thương mại dịch vụ, quản lý trong nước và ngoại lệ bảo vệ quyền riêng tư, an ninh.	Các quy định về thu thập, lưu trữ, cập nhật, đồng bộ và khai thác dữ liệu định danh cơ bản tương thích nếu được thực hiện theo đúng mục đích, có phân quyền truy cập, lưu vết, bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân. Việc đặt yêu cầu lưu trữ trong nước hoặc hạn chế chuyển dữ liệu phải dựa trên căn cứ chính sách công, an ninh hoặc bảo vệ dữ liệu.	Làm rõ loại dữ liệu được thu thập, dữ liệu đồng bộ toàn phần, dữ liệu chỉ đồng bộ chỉ mục hoặc trạng thái; quy định căn cứ xử lý, thời hạn lưu trữ, quyền của chủ thể dữ liệu, đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu và điều kiện chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới.
4	Điều 17 đến Điều 20: tạm dừng, hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực danh tính điện tử, mã định danh và liên kết danh tính điện tử.	ICCPR: Điều 16, Điều 17; UNCAC: Điều 9, Điều 10; UNTOC: Điều 7, Điều 18; Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng trong phạm vi hiệu lực đối với Việt Nam.	Quản lý vòng đời danh tính và liên kết danh tính là cần thiết để xác minh, phòng ngừa, phát hiện gian lận, rửa tiền, tham nhũng và tội phạm công nghệ cao. Tuy nhiên, liên kết danh tính có thể tác động đến quyền riêng tư nếu thiếu giới hạn về mục đích, thẩm quyền và phạm vi xử lý.	Quy định cụ thể căn cứ, thẩm quyền, trình tự tạm dừng, hủy bỏ, chấm dứt; quyền được thông báo, giải trình, khiếu nại, khôi phục; nguyên tắc liên kết danh tính theo mục đích hợp pháp, cần thiết, tương xứng và có cơ chế lưu vết.

STT	Quy định tại dự thảo	Điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá tính tương thích	Đề xuất xử lý
5	Điều 21 đến Điều 30: đối tượng xác thực, mô hình xác thực, hoạt động xác thực, mức độ xác thực, phương tiện xác thực, kết quả xác thực, chứng thư điện tử xác nhận thông tin.	CPTPP: Điều 14.6, Điều 14.9; RCEP: Chương 12 về xác thực điện tử, chữ ký điện tử, thương mại không giấy tờ; ICCPR: Điều 17.	Các quy định về xác thực điện tử cơ bản phù hợp với cam kết tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử và không phủ nhận giá trị của phương thức xác thực điện tử. Cần bảo đảm trung lập công nghệ, tránh trùng lặp hoặc làm thay đổi cơ chế chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử, dịch vụ tin cậy đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.	Chính lý thuật ngữ “chứng thư điện tử xác nhận thông tin” theo hướng là công cụ xác nhận thuộc tính, danh tính; quy định mức độ xác thực theo rủi ro, tiêu chuẩn kỹ thuật, giới hạn trách nhiệm và cơ chế kiểm chứng độc lập.
6	Điều 31: xác thực điện tử và truy vết danh tính điện tử.	ICCPR: Điều 17; UNCAC, UNTOC: các quy định về phòng ngừa, phát hiện, điều tra, tương trợ tư pháp; Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng trong phạm vi hiệu lực đối với Việt Nam.	Quy định về truy vết danh tính điện tử có cơ sở trong yêu cầu phòng, chống giả mạo danh tính, gian lận, tội phạm mạng, rửa tiền, tham nhũng. Đây là nội dung có khả năng tác động trực tiếp đến đời sống riêng tư, dữ liệu cá nhân và dữ liệu giao dịch nên phải được kiểm soát chặt chẽ.	Quy định rõ điều kiện kích hoạt truy vết, chủ thể có thẩm quyền, phạm vi dữ liệu, thời hạn lưu, cơ chế phê duyệt, kiểm soát, nhật ký truy cập, giám sát độc lập và trách nhiệm bồi thường khi lạm dụng hoặc thực hiện trái pháp luật.

STT	Quy định tại dự thảo	Điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá tính tương thích	Đề xuất xử lý
7	Điều 32 đến Điều 36: Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; khai thác, sử dụng dữ liệu; phí khai thác.	ICCPR: Điều 17; CPTPP: các điều 14.8, 14.11, 14.13 và ngoại lệ tại Chương 29; RCEP: Chương 12; GATS/WTO: Điều XIV(c)(ii), Điều XIV bis.	Việc thiết lập hệ thống và cơ sở dữ liệu quốc gia cơ bản tương thích nếu nhằm mục tiêu công hợp pháp, bảo đảm bảo mật, kiểm soát truy cập, phân loại dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Quy định về lưu trữ, chia sẻ, phí khai thác không được tạo rào cản không cần thiết đối với thương mại dịch vụ hoặc tiếp cận dịch vụ công thiết yếu.	Phân định rõ dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cá nhân; điều kiện khai thác, chia sẻ, chuyển dữ liệu ra nước ngoài; trường hợp miễn, giảm phí; trách nhiệm bảo mật, kiểm toán và báo cáo sự cố.
8	Điều 37 đến Điều 39: dịch vụ định danh điện tử, dịch vụ xác thực điện tử, điều kiện cung cấp dịch vụ và xử lý khi tổ chức cung cấp dịch vụ chấm dứt hoạt động.	GATS/WTO: Điều VI, các cam kết tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia theo Biểu cam kết; CPTPP, RCEP: các quy định về xác thực điện tử, thương mại điện tử và bảo vệ thông tin cá nhân.	Dịch vụ định danh, xác thực điện tử là lĩnh vực có thể đặt điều kiện cung cấp dịch vụ do liên quan đến an ninh, dữ liệu định danh và độ tin cậy của giao dịch số. Các điều kiện này cần bảo đảm tính minh bạch, khách quan, hợp lý, không phân biệt đối xử bất hợp lý.	Quy định cụ thể điều kiện cấp phép hoặc chấp thuận, tiêu chuẩn an toàn thông tin, năng lực tài chính, nhân sự, bảo hiểm hoặc trách nhiệm dân sự, kiểm toán độc lập, nghĩa vụ chuyển giao dữ liệu và bảo vệ người dùng khi chấm dứt dịch vụ.

STT	Quy định tại dự thảo	Điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá tính tương thích	Đề xuất xử lý
9	Điều 40 và Điều 41: công nhận danh tính điện tử, kết quả xác thực nước ngoài; giao dịch xuyên biên giới và hợp tác quốc tế.	CPTPP: các điều 14.6, 14.11, 14.13; RCEP: Chương 12; GATS/WTO, EVFTA: nghĩa vụ về thương mại dịch vụ, quản lý trong nước và ngoại lệ chính sách công, an ninh; UNTOC và Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng trong phạm vi hiệu lực đối với Việt Nam.	Cơ chế công nhận danh tính điện tử, kết quả xác thực nước ngoài cơ bản tương thích nếu dựa trên điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, nguyên tắc có đi có lại hoặc đánh giá tương đương về mức độ tin cậy; đồng thời bảo đảm quyền từ chối, tạm dừng kết nối trong trường hợp cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, dữ liệu cá nhân.	Bổ sung tiêu chí công nhận về mức độ bảo đảm danh tính, tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế kiểm tra hiệu lực, bảo vệ dữ liệu cá nhân, lưu vết, trách nhiệm của bên nước ngoài, giải quyết tranh chấp và biện pháp tạm dừng khi phát sinh rủi ro.
10	Điều 42 đến Điều 44: trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức cung cấp dịch vụ; quyền, nghĩa vụ của chủ thể danh tính điện tử.	ICCPR: Điều 16, Điều 17; CPTPP: Điều 14.8; RCEP: Chương 12 về bảo vệ thông tin cá nhân; UNCAC: Điều 10.	Các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và quyền của chủ thể danh tính cơ bản phù hợp với yêu cầu bảo vệ quyền riêng tư, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Quyền của chủ thể dữ liệu cần được thiết kế đầy đủ, có cơ chế thực thi hiệu quả.	Bổ sung hoặc dẫn chiếu rõ cơ chế thực hiện quyền được biết, truy cập, chỉnh sửa, kiểm soát chia sẻ, khiếu nại, yêu cầu khắc phục thiệt hại; nghĩa vụ thông báo vi phạm dữ liệu, lưu nhật ký, công khai chính sách xử lý dữ liệu.

STT	Quy định tại dự thảo	Điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá tính tương thích	Đề xuất xử lý
11	Điều 45: hệ thống trí tuệ nhân tạo trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.	ICCPR: Điều 17, Điều 26; CPTPP: Điều 14.8, Điều 14.17; GATS/WTO: Điều VI, Điều XIV.	Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, sinh trắc học trong định danh và xác thực điện tử cơ bản tương thích nếu được quản lý theo mức độ rủi ro, bảo đảm độ chính xác, an toàn, kiểm soát thiên lệch, giám sát của con người và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Yêu cầu minh bạch, kiểm định không được mở rộng thành nghĩa vụ tiết lộ mã nguồn trái cam kết, trừ trường hợp thuộc ngoại lệ hợp pháp.	Quy định phân loại rủi ro, kiểm định độ chính xác, chống giả mạo, deepfake, ghi nhật ký, giám sát bởi con người, cơ chế khiếu nại và trách nhiệm bồi thường khi hệ thống trí tuệ nhân tạo xác thực sai hoặc gây thiệt hại.
12	Điều 46 đến Điều 48: sửa đổi, bổ sung luật liên quan; điều khoản chuyển tiếp; hiệu lực thi hành.	Các điều ước quốc tế nêu trên trong phạm vi liên quan đến giao dịch điện tử, dữ liệu cá nhân, thương mại dịch vụ, phòng, chống tội phạm và hợp tác quốc tế.	Các điều khoản sửa đổi, bổ sung, chuyển tiếp và hiệu lực thi hành không phát sinh xung đột trực tiếp với điều ước quốc tế. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi cần bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện cam kết quốc tế về giao dịch điện tử, thương mại dịch vụ và bảo vệ dữ liệu.	Rà soát điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm tài khoản định danh, kết nối hệ thống, hợp đồng dịch vụ, dữ liệu và kết quả xác thực đang vận hành tiếp tục có giá trị cho đến khi được chuyển đổi theo Luật và văn bản hướng dẫn.